

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 10 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH THANH HÓA**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:**

**Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, sông Bưởi):** Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

**Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): Mức nước dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: Mức nước dao động theo thủy triều.

**2. Dự báo, cảnh báo:**

**Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, sông Bưởi):** Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

**Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

**Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều):** Mức nước dao động theo thủy triều. Mức nước nhỏ nhất xuất hiện vào tối nay, mức nước lớn nhất xuất hiện vào nửa đêm về sáng ngày mai.

**Lưu vực sông Yên:** Mức nước dao động theo thủy triều. Mức nước lớn nhất xuất hiện vào trưa nay, mức nước nhỏ nhất xuất hiện nửa đêm về sáng ngày mai.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong 24 giờ tới: Chưa có dấu hiệu xuất hiện.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có tác động.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo 11h25 ngày 01/11/2026**

**Tin phát lúc: 11h25 ngày 31/10/2026**

**Dự báo viên**



**Lê Văn Thắng**

**Phụ lục**

**Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm**

Bảng 1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông không ảnh hưởng triều  
Đơn vị: cm

| Sông | Trạm        | Thực đo  | Dự báo    |           |          |          |
|------|-------------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
|      |             | 7h/31/10 | 13h/31/10 | 19h/31/10 | 1h/01/11 | 7h/01/11 |
| Mã   | Mường Lát   | 16509    | 16500     | 16507     | 16515    | 16506    |
| Mã   | Hồi Xuân    | 5389     | 5405      | 5400      | 5435     | 5385     |
| Mã   | Cầm Thủy    | 1220     | 1195      | 1155      | 1210     | 1215     |
| Mã   | Lý Nhân     | 202      | 230       | 210       | 195      | 200      |
| Bưởi | Thạch Quảng | 662      | 664       | 666       | 668      | 665      |
| Bưởi | Kim Tân     | 227      | 235       | 240       | 237      | 235      |
| Âm   | Lang Chánh  | 4698     | 4698      | 4698      | 4698     | 4697     |
| Chu  | Cửa Đạt     | 2744     | 2740      | 2742      | 2735     | 2740     |
| Chu  | Bái Thượng  | 1077     | 1085      | 1089      | 1095     | 1086     |
| Chu  | Xuân Khánh  | 171      | 140       | 115       | 141      | 175      |

Bảng 2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng sông ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm       | Thực đo         |                 | Dự báo          |                 |
|------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|      |            | Hmax<br>(t-24h) | Hmin<br>(t-24h) | Hmax<br>(t+24h) | Hmin<br>(t+24h) |
| Mã   | Giàng (**) | 211             | -82             | 200             | -90             |
| Mã   | Quảng Châu | 169             | -121            | 172             | -115            |
| Lèn  | Lèn        | 238             | -35             | 235             | -30             |
| Lèn  | Cụ Thôn    | 222             | -48             | 215             | -40             |
| Yên  | Chuối      | 140             | 48              | 130             | 40              |
| Yên  | Ngọc Trà   | 142             | -53             | 140             | -45             |

Ghi chú: Trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

